

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC TÀI SẢN BÁN ĐẦU GIÁ
(Kèm theo Niêm yết thông báo đầu giá tài sản số: 379/NY-ĐGTS ngày 26/08/2024 của Công ty đầu giá hợp danh Tây Nguyên Kon Tum)

ST T	Tên thửa đất	Phân khu	Diện tích (m ²)	Đường giao thông	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)	Phí hồ sơ (đồng)	Ghi chú
1	4	ONT307	189,8	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	329.113.200	65.822.640	10.000.000	200.000	
2	5	ONT307	198,9	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	344.892.600	68.978.520	11.000.000	200.000	
3	6	ONT307	208	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	360.672.000	72.134.400	11.000.000	200.000	
4	7	ONT307	216,9	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	376.104.600	75.220.920	12.000.000	200.000	
5	8	ONT307	225,6	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	391.190.400	78.238.080	12.000.000	200.000	
6	9	ONT307	234,3	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	406.276.200	81.255.240	13.000.000	200.000	
7	10	ONT307	243,3	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	421.882.200	84.376.440	13.000.000	200.000	
8	11	ONT307	252,4	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	437.661.600	87.532.320	14.000.000	200.000	
9	12	ONT307	261,6	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	453.614.400	90.722.880	14.000.000	200.000	
10	13	ONT307	270,8	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	469.567.200	93.913.440	15.000.000	200.000	
11	14	ONT307	279,9	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	485.346.600	97.069.320	15.000.000	200.000	
12	15	ONT307	289,1	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	501.299.400	100.259.880	16.000.000	500.000	
13	16	ONT307	368,2	Tuyến D13 (Mặt cắt đường 8m, có vỉa hè 4mx2)	717.990.000	143.598.000	22.000.000	500.000	02 mặt tiền

14	18	ONT307	197,9	Tuyến D13 (Mặt cắt đường 8m, có vỉa hè 4mx2)	350.876.700	70.175.340	11.000.000	200.000	
15	19	ONT307	197,8	Tuyến D13 (Mặt cắt đường 8m, có vỉa hè 4mx2)	350.699.400	70.139.880	11.000.000	200.000	
16	20	ONT307	197,7	Tuyến D13 (Mặt cắt đường 8m, có vỉa hè 4mx2)	350.522.100	70.104.420	11.000.000	200.000	
17	24	ONT307	318,6	Tuyến D10 (Đường gom QL14, mặt cắt đường 8m, vỉa hè 4m)	794.588.400	158.917.680	24.000.000	500.000	
18	25	ONT307	322,4	Tuyến D10 (Đường gom QL14, mặt cắt đường 8m, vỉa hè 4m)	804.065.600	160.813.120	25.000.000	500.000	
19	26	ONT307	323,8	Tuyến D10 (Đường gom QL14, mặt cắt đường 8m, vỉa hè 4m)	807.557.200	161.511.440	25.000.000	500.000	
20	27	ONT307	324,2	Tuyến D10 (Đường gom QL14, mặt cắt đường 8m, vỉa hè 4m)	808.554.800	161.710.960	25.000.000	500.000	
21	28	ONT307	323,3	Tuyến D10 (Đường gom QL14, mặt cắt đường 8m, vỉa hè 4m)	806.310.200	161.262.040	25.000.000	500.000	
22	29	ONT307	318,7	Tuyến D10 (Đường gom QL14, mặt cắt đường 8m, vỉa hè 4m)	794.837.800	158.967.560	24.000.000	500.000	
23	30	ONT307	317,4	Tuyến D10 (Đường gom QL14, mặt cắt đường 8m, vỉa hè 4m)	791.595.600	158.319.120	24.000.000	500.000	
24	31	ONT307	321,3	Tuyến D10 (Đường gom QL14, mặt cắt đường 8m, vỉa hè 4m)	801.322.200	160.264.440	25.000.000	500.000	02 mặt tiền
25	32	ONT307	684,1	Tuyến D10 (Đường gom QL14, mặt cắt đường 8m, vỉa hè 4m)	1.876.486.300	375.297.260	57.000.000	500.000	
26	35	ONT308	177,3	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	307.438.200	61.487.640	10.000.000	200.000	
27	36	ONT308	177,2	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	307.264.800	61.452.960	10.000.000	200.000	
28	37	ONT308	177,2	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	307.264.800	61.452.960	10.000.000	200.000	
29	38	ONT308	177,1	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	307.091.400	61.418.280	10.000.000	200.000	
30	39	ONT308	177	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	306.918.000	61.383.600	10.000.000	200.000	

31	40	ONT308	176,9	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	306.744.600	61.348.920	10.000.000	200.000	
32	41	ONT308	176,9	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	306.744.600	61.348.920	10.000.000	200.000	
33	42	ONT308	176,8	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	306.571.200	61.314.240	10.000.000	200.000	
34	43	ONT308	176,7	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	306.397.800	61.279.560	10.000.000	200.000	
35	44	ONT308	176,8	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	306.571.200	61.314.240	10.000.000	200.000	
36	45	ONT308	177,1	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	307.091.400	61.418.280	10.000.000	200.000	
37	46	ONT308	177,4	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	307.611.600	61.522.320	10.000.000	200.000	
38	47	ONT308	177,6	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	307.958.400	61.591.680	10.000.000	200.000	
39	48	ONT308	177,6	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	307.958.400	61.591.680	10.000.000	200.000	
40	49	ONT308	177,1	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	307.091.400	61.418.280	10.000.000	200.000	
41	50	ONT308	318,7	Tuyến D13 (Mặt cắt đường 8m, có via hệ 4mx2)	621.465.000	124.293.000	19.000.000	500.000	02 mặt tiền
42	56	ONT308	179,8	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	311.773.200	62.354.640	10.000.000	200.000	
43	57	ONT308	179,8	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	311.773.200	62.354.640	10.000.000	200.000	
44	58	ONT308	179,7	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	311.599.800	62.319.960	10.000.000	200.000	
45	59	ONT308	179,6	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	311.426.400	62.285.280	10.000.000	200.000	
46	60	ONT308	179,5	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	311.253.000	62.250.600	10.000.000	200.000	
47	61	ONT308	179,5	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hệ 3mx2)	311.253.000	62.250.600	10.000.000	200.000	

48	62	ONT308	179,4	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	311.079.600	62.215.920	10.000.000	200.000
49	63	ONT308	179,4	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	311.079.600	62.215.920	10.000.000	200.000
50	64	ONT308	179,4	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	311.079.600	62.215.920	10.000.000	200.000
51	65	ONT308	179,3	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	310.906.200	62.181.240	10.000.000	200.000
52	66	ONT308	179,1	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	310.559.400	62.111.880	10.000.000	200.000
53	67	ONT308	179	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	310.386.000	62.077.200	10.000.000	200.000
54	68	ONT308	329,2	Tuyến D13 (Mặt cắt đường 8m, có vỉa hè 4mx2)	641.940.000	128.388.000	20.000.000	500.000
55	70	ONT309	177,6	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, vỉa hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.609.600	69.121.920	11.000.000	200.000
56	71	ONT309	177,5	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, vỉa hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.415.000	69.083.000	11.000.000	200.000
57	72	ONT309	177,5	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, vỉa hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.415.000	69.083.000	11.000.000	200.000
58	73	ONT309	177,7	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, vỉa hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.804.200	69.160.840	11.000.000	200.000
59	74	ONT309	177,8	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, vỉa hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.998.800	69.199.760	11.000.000	200.000
60	75	ONT309	177,8	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, vỉa hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.998.800	69.199.760	11.000.000	200.000
61	76	ONT309	177,7	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, vỉa hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.804.200	69.160.840	11.000.000	200.000
62	77	ONT309	177,7	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, vỉa hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.804.200	69.160.840	11.000.000	200.000
63	78	ONT309	177,8	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, vỉa hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.998.800	69.199.760	11.000.000	200.000
64	79	ONT309	177,8	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, vỉa hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.998.800	69.199.760	11.000.000	200.000

64	79	ONT309	177,8	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, via hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.998.800	69.199.760	11.000.000	200.000	
65	80	ONT309	177,8	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, via hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.998.800	69.199.760	11.000.000	200.000	
66	81	ONT309	177,7	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, via hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.804.200	69.160.840	11.000.000	200.000	
67	82	ONT309	177,7	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, via hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.804.200	69.160.840	11.000.000	200.000	
68	83	ONT309	177,7	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, via hè 6mx2, giải phân cách 11m)	345.804.200	69.160.840	11.000.000	200.000	
69	84	ONT309	177,9	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, via hè 6mx2, giải phân cách 11m)	346.193.400	69.238.680	11.000.000	200.000	02 mặt tiền
70	85	ONT309	178	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, via hè 6mx2, giải phân cách 11m)	346.388.000	69.277.600	11.000.000	200.000	02 mặt tiền
71	86	ONT309	317,2	Tuyến D18 (Mặt cắt đường 8m x 2 làn, via hè 6mx2, giải phân cách 11m)	679.125.200	135.825.040	21.000.000	500.000	
72	87	ONT309	342,7	Tuyến D12 (Mặt cắt đường 7,5m x 2 làn, via hè 6mx2, giải phân cách 3m)	773.473.900	154.694.780	24.000.000	500.000	
73	88	ONT309	179,6	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hè 3mx2)	311.426.400	62.285.280	10.000.000	200.000	
74	89	ONT309	179,8	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hè 3mx2)	311.773.200	62.354.640	10.000.000	200.000	
75	90	ONT309	179,9	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hè 3mx2)	311.946.600	62.389.320	10.000.000	200.000	
76	93	ONT309	180,2	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hè 3mx2)	312.466.800	62.493.360	10.000.000	200.000	
77	94	ONT309	180,3	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hè 3mx2)	312.640.200	62.528.040	10.000.000	200.000	
78	95	ONT309	180,3	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hè 3mx2)	312.640.200	62.528.040	10.000.000	200.000	
79	96	ONT309	180,2	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hè 3mx2)	312.466.800	62.493.360	10.000.000	200.000	
80	97	ONT309	180,1	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, via hè 3mx2)	312.293.400	62.458.680	10.000.000	200.000	

82	99	ONT309	180,2	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	312.466.800	62.493.360	10.000.000	200.000	
83	100	ONT309	180,3	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	312.640.200	62.528.040	10.000.000	200.000	
84	101	ONT309	180,3	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	312.640.200	62.528.040	10.000.000	200.000	
85	102	ONT309	180,1	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	312.293.400	62.458.680	10.000.000	200.000	
86	103	ONT309	179,7	Tuyến D16, 17 (Mặt cắt đường 6m, vỉa hè 3mx2)	311.599.800	62.319.960	10.000.000	200.000	
87	104	ONT309	325,4	Tuyến D13 (Mặt cắt đường 8m, có vỉa hè 4mx2)	634.530.000	126.906.000	20.000.000	500.000	02 mặt tiền
Tổng cộng			18.894,2		36.629.875.200	7.325.975.040			